TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 11 -2018 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hạnh;

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 29/11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1980; Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình*

giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày có nội dung:

Bà H và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/5/2000 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống chúng hạnh phúc được một thời gian đến khoảng tháng 12/2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và trầm trọng nhất là tháng 6/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông L thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè bê tha, thường xuyên đập phá đồ đạc trong gia đình, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà H một cách vô cớ, đặc biệt là những lần ông L đi nhậu về; hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên tôi yêu cầu ly hôn với ông L, để giải thoát.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông L có 04 con chung là cháu Nguyễn Ngọc S (sinh ngày 14/3/2002), cháu Nguyễn Thị Ngọc Th (sinh ngày 21/6/2004), cháu Nguyễn Ngọc B (sinh ngày 26/11/2009) và cháu Nguyễn Hồ Ngọc V (sinh ngày 05/4/2014). Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Ngọc B cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi); giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Hồ Ngọc V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và công nợ chung, bà H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án

không thể tiến hành lấy lời khai, không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/5/2000 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông L có tính rượu chè, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà H. Vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống nên hiện đã sống ly thân. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông L vắng mặt tại các buổi hòa giải nên bà H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông L vì theo như bà H xác định là không thể chung sống với ông L được nữa. Mặt khác, xét biên bản xác minh về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương cũng thể hiện là việc ông L thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà đánh đập vợ con. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông L để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống riêng là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông L có 04 con chung là cháu Nguyễn Ngọc S (sinh ngày 14/3/2002), cháu Nguyễn Thị Ngọc Th (sinh ngày 21/6/2004), cháu Nguyễn Ngọc B (sinh ngày 26/11/2009) và cháu Nguyễn Hồ Ngọc V (sinh ngày 05/4/2014). Xét nguyện vọng của bà H, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Th và cháu Nguyễn Ngọc B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc S và cháu Nguyễn Hồ Ngọc V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi; các bên không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết;

các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Bà Hồ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005313 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dung các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Long.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Th (sinh ngày 21/6/2004), cháu Nguyễn Ngọc B (sinh ngày 26/11/2009) cho bà Hồ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc S (sinh ngày 14/3/2002), cháu Nguyễn Hồ Ngọc V (sinh ngày 05/4/2014) cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông L không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005313 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CCTHADS thị xã;
- Các đương sự liên quan;
- UBND p. Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Đức